

Bản án số: **16 /2018/HSPT**

Ngày: 14/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các Thẩm phán:* Ông **Trần Hữu Viên**.

Bà **Lê Thúy Phụng**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Võ Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Hồng B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2017/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Tuyết A - Sinh năm 1978, tại thành phố C, Khánh Hòa. Trú tại: Thôn D, xã E, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn F (chết) và bà Trần Thị G; chồng Nguyễn Văn H, đã ly hôn; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Hồng B - Sinh năm 1970, tại C, Khánh Hòa. Trú tại: phường I, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn F (chết) và bà Trần Thị G; chồng Nguyễn Văn K; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH L. Địa chỉ trụ sở chính: khu phố 2, phường M, quận N, thành phố P. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Duy Q** - Giám đốc.

Do ông **Nguyễn Văn O** - sinh năm 1970; địa chỉ: phường R, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa - Làm đại diện theo Văn bản ủy quyền số 34/2017/GUQ-VA ngày 18/11/2017. Ông O có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông **Lê Việt A1** - Sinh năm 1974. Địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Ông A1 vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Nguyễn Hoài A2**- Sinh năm 1984. Địa chỉ: phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Anh A2 vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị **Nguyễn Thị A3** - Sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Chị A3 vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh **Bùi Quốc A4** - Sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 4, thôn 4, xã T, huyện U, tỉnh Khánh Hòa. Anh A4 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/01/2001 Ủy ban nhân dân thành phố C (UBND tp. C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01018/QSDĐ/VN-NT cho hộ ông Nguyễn Văn F và bà Trần Thị G đối với thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05, xã E, thành phố C. Tuy nhiên, có sự nhầm lẫn do đây là đất công ích (đất 5%), nên vào ngày 08/11/2013, UBND tp. C ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông F, bà G nêu trên để chỉnh lý. Ông F, bà G không đồng ý nên đã nhiều lần khiếu nại và đến ngày 23/6/2014, UBND tp. C đã có Quyết định số 5138/QĐ-UBND để bác khiếu nại của ông F và yêu cầu ông F phải bàn giao thửa đất số 26 tờ bản đồ số 05 cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố C quản lý để giao lại cho chủ đầu tư thực hiện dự án V.

Ngày 09/01/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (UBND tỉnh Khánh Hòa) có Thông báo số 14/TB-UBND thỏa thuận địa điểm, lập thủ tục đầu tư dự án Khu du lịch V (sau đổi tên là Khu du lịch sinh thái X) tại thôn D, xã E, thành phố C. Sau khi được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 18/8/2015 thì vào ngày 24/11/2015, Công ty TNHH L ký hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Khánh Hòa và được nhận giao 63.832,9m² đất trên thực địa (trong đó bao gồm đất hộ ông Nguyễn Văn F tại thửa đất số 26 tờ bản đồ số 5 đã được đổi thành thửa số 06 kèm theo trích đo địa chính số 05/2013/TĐ.BĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 08/01/2013). Vào ngày 24/5/2017, UBND xã E, thành phố C tiến hành giao đất cho Công ty TNHH L gồm 15.297,5m² tại các thửa đất số 03, 09, 11, 13, 105. Cũng vào ngày này, Công ty TNHH L cho người tiến hành làm hàng rào bằng tôn bao quanh dự án Khu du lịch sinh thái X (nơi tiếp giáp thửa đất số 11 với thửa đất số 06 tờ bản đồ số 05 của dự án Khu du lịch sinh thái X). Vì cho rằng dự án Khu du lịch sinh thái X làm hàng rào tôn trên đất của nhà mình nên sáng ngày 30/5/2017, Nguyễn Thị Tuyết A (con ông F và bà G) đã mua một quan tài màu nâu về để trên lối đi nhà bà Nguyễn Thị Y, hai bên là hàng rào tôn của dự án Khu du lịch sinh thái X. Sau đó, A rủ chị ruột là Nguyễn Thị Hồng B cùng A đập phá hàng rào tôn lấy lối đi vào khu đất trống của dự án Khu du lịch sinh thái X.

Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Tuyết A đi vào khu đất trống

của dự án Khu du lịch sinh thái X dùng cuộc đập phá hàng rào tôn của dự án, cùng lúc này, Nguyễn Thị Hồng B đi đến, dùng cây gỗ dài khoảng 1,2m cùng A đập phá hàng rào tôn của dự án Khu du lịch sinh thái X. Tiếp đó, có một đối tượng nam thanh niên (*chưa rõ lai lịch, địa chỉ*) đến cùng tham gia đập phá với A và B. Sau khi làm hư hỏng một đoạn hàng rào tôn gồm 10 tấm tôn màu sóng vuông và thanh sắt kẽm hộp vuông (20x20) được hàn nối nhau dài 27,9m thì A, B và đối tượng nam thanh niên (*chưa rõ lai lịch, địa chỉ*) nêu trên khiêng quan tài đã chuẩn bị vào khu đất dự án Khu du lịch sinh thái X. Sau khi sự việc xảy ra, người dân chứng kiến đã đến trình báo tại Công an xã E, thành phố C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 169/TCKH ngày 04/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận:

1. Vật tư thay thế 27,9m thanh sắt kẽm hộp vuông (20x20): qua khảo sát, Hội đồng thống nhất áp dụng đơn giá 62.000đ/cây (6m), tương ứng 01m là 10.333đ (*làm tròn*). Cụ thể, đối với 27,9m thanh sắt kẽm hộp vuông như sau: $27,9\text{m} \times 10.333\text{đ/m} = \mathbf{288.300\text{đ}}$ (*làm tròn*).

2. 10 tấm tôn bị hư hỏng hoàn toàn (loại tôn màu sóng vuông dày 0,35mm): Trên cơ sở Bảng giá vật liệu xây dựng quý I/2017, Hội đồng thống nhất áp dụng giá tôn mạ sóng vuông với đơn giá thấp nhất là 78.000đ/m, loại quy cách 0,35 x 1050 mm, cụ thể: Tấm 1 (1,14m x 6m): $6\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 468.000\text{đ}$; Tấm 2 (1,13m x 5,3m): $5,3\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 413.400\text{đ}$; Tấm 3 (1,11m x 5,5m): $5,5\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 429.000\text{đ}$; Tấm 4 (1,11m x 6,1m): $6,1\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 475.800\text{đ}$; Tấm 5 (1,1m x 6m): $6\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 468.000\text{đ}$; Tấm 6 (1,11m x 2,97m): $2,97\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 231.660\text{đ}$; Tấm 7 (1,11m x 3,05m): $3,05\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 237.900\text{đ}$; Tấm 8 (1,11m x 2,46m): $2,46\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 191.880\text{đ}$; Tấm 9 (1,11m x 3,4m): $3,4\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 265.200\text{đ}$; Tấm 10 (1,1m x 5,5m): $5,5\text{m} \times 78.000\text{đ/m} = 429.000\text{đ}$. Tổng giá trị 10 tấm tôn là **3.609.840đ**.

3. Chi phí phục hồi (vật tư phụ và nhân công) là **1.255.500đ**.

Tại Bản án số 236/2017/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng khoản 1 Điều 143, điểm g, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng B 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Ngoài ra bản án còn quyết định về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Cùng ngày 11/12/2017, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A và Nguyễn Thị Hồng B đều có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều xác định nội dung kháng cáo cụ thể là kêu oan. Các bị cáo cho rằng việc đập phá hàng rào bằng tole của Khu dự án X là nhằm mục đích để đi vào thửa đất của gia đình mình nên cho rằng hành vi đó không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo đều còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A và Nguyễn Thị Hồng B đều khai nhận toàn bộ những hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như Bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản định giá, lời khai của người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/5/2017, Nguyễn Thị Tuyết A và Nguyễn Thị Hồng B đã có hành vi dùng cuốc, gây gỗ đập phá hàng rào Khu du lịch sinh thái X của Công ty TNHH L. Sau khi làm hư hỏng 10 tấm tole và thanh sắt kẽm hộp vuông (20 x 20) được hàn nối dài 27,9m, A và B khiêng một quan tài màu nâu - do Nguyễn Thị Tuyết A mua trước đó - đặt vào khu đất của dự án Khu du lịch sinh thái X. Tòa án nhân dân thành phố C đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A và Nguyễn Thị Hồng B đều về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo kêu oan của các bị cáo:

Năm 2001 UBND tp. C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01018/QSDĐ/VN-NT cho hộ ông Nguyễn Văn F và bà Trần Thị G, trong đó có thửa đất số 26 tờ bản đồ số 5 xã E, thành phố C. Đến ngày 08/11/2013, UBND tp. C ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông F, bà G nêu trên. Ông F, bà G không đồng ý nên khiếu nại nhiều lần và đến ngày 23/6/2014 Chủ tịch UBND tp. C ban hành Quyết định số 5138/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của ông F, bà G và yêu cầu ông bà phải giao thửa đất số 26 (*đã điều chỉnh thành thửa số 06 theo Trích đo địa chính số 05/2013/TĐ.BĐ do Sở tài nguyên và môi trường xác nhận ngày 08/01/2013*) cho UBND xã E. Ngày 24/5/2017 UBND xã E tiến hành giao đất cho Công ty TNHH L và cùng ngày thì Công ty L đã tiến hành lập hàng rào bằng tole bao quanh khu dự án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Công ty TNHH L lập hàng rào tole trên diện tích đất đã ký hợp đồng thuê với UBND tỉnh Khánh Hòa và được giao đất theo đúng quy định của pháp luật là việc làm hợp pháp. Do đó, khi các bị cáo đập phá hàng rào nêu trên là đã vi phạm pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A là người khởi xướng toàn bộ sự việc, bản thân bị cáo đã chủ động đi mua quan tài và rủ bị cáo B cùng tham gia. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng B sau khi được bị cáo A rủ đã đồng ý và tham gia tích cực. Xét tính chất và mức độ hành

vì của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo A với mức án cao hơn bị cáo B là phù hợp.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 169/TCKH ngày 04/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C thì thiệt hại được xác định bao gồm các khoản: Giá trị hộp sắt kẽm là 288.300đ; giá trị 10 tấm tole là 3.609.840đ; chi phí phục hồi là 1.255.500đ. Như vậy, tổng giá trị thiệt hại qua giám định là **5.153.640đ**. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tính chi phí phục hồi vào tổng giá trị thiệt hại là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A và Nguyễn Thị Hồng B phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Hồng B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Hồng B đều phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm g, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Hồng B**.

Tuyên xử:

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng B 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Hồng B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. C;
- VKSND TP. C;
- Công an TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long